TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2018/DS-PT
Ngày: 15-5-2018
V/v Tranh chấp về chia tài sản chung và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng
Các thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến
Ông Lê Văn Quý

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Hồng Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 204/2017/TLPT-DS ngày 14/11/2017 về "Tranh chấp về chia tài sản chung và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2018/QĐPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 135/2018/QĐ-PT ngày 21/3/2018, quyết định hoãn phiên tòa ngày 181/2018/QĐ-PT ngày 20/4/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1972. Địa chỉ: 63/40/3 (số cũ 59A), khu phố 1, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975. Địa chỉ: 1107, tổ 33, ấp V, xã H2, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2016 do UBND phường Thống Nhất chứng thực.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1963

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967

Nơi thường trú: 33, ấp N, xã C, huyện Đ, tỉnh Long An.

Nơi tạm trú: Khu C, ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn A, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn P – Chủ tịch UBND huyện.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh P – Phó chủ tịch UBND huyện (theo văn bản ủy quyền số 3613A/UBND-NC ngày 24/5/2017).

4. Người kháng cáo: Ông Trần Văn H.

(Ông H, bà N có mặt, ông T, bà L, bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

*** Trình bày của nguyên đơn:**

Ngày 08/5/2012, nguyên đơn là ông Trần Văn N góp vốn số tiền là 436.000.000 đồng với ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 2.634 m^2 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 06 xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai của ông Nguyễn Hoàng H, bà Lưu Thị G. Hợp đồng góp vốn giữa ông N và vợ chồng ông H, bà N được Văn phòng công chứng Thạnh Phú chứng nhận số 739, quyển số 01 TP/CC-SCC/HNGĐ ngày 08/5/2012.

Ngay sau khi ký hợp đồng, ông N đã giao cho ông H, bà N số tiền 436.000.000 đồng, tương đương 70% giá trị tài sản nhận chuyển nhượng (giá trị ông H, bà N thỏa thuận nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất của ông H, bà G là 620.000.000 đồng). Khi góp vốn, ông N, ông H, bà N không thỏa thuận phân chia diện tích đất theo tỷ lệ góp vốn mà vợ chồng ông H chỉ giao kết với ông N là nếu muốn được đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này thì phải góp số tiền là 436.000.000 đồng, sau khi nhận chuyển nhượng đất xong sẽ thỏa thuận cách thức chia. Mục đích góp vốn mua đất là để mở bến thủy nội địa kinh doanh vật liệu xây dựng.

Sau khi hoàn thành thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà N và ông H, bà G và hợp đồng góp vốn giữa ông N và vợ chồng ông H thì các bên đã đi đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N vì lúc đó ông H, bà N là chủ doanh

nghiệp, có giấy phép kinh doanh nên thuận tiện cho việc mở bến thủy nội địa. Tuy nhiên, sau đó ông H, bà N không xin được giấy phép mở bến thủy nên ông N tiến hành kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng sử dụng với ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N và được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO593917 ngày 12/11/2013.

Đây là tài sản chung của ông Trần Văn N và vợ chồng ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N bởi vì tại Bản án phúc thẩm số 153/2016/DS-PT ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N, bác yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N và công nhận hợp đồng góp vốn giữa ông Trần Văn N, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N.

Do các bên không tự thỏa thuận được nên yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Nguyên đơn yêu cầu chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích 1.773 m^2 thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 06, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,6,7,a,3) theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3248/2016 ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu, phần còn lại có diện tích là 861m^2 thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 06, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,a,7,1) theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3248/2016 ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu chia cho ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N. Phía nguyên đơn tự nguyện chừa phần đất có diện tích ngang 04m, dài 30m trong phần diện tích đất mà ông Trần Văn N nằm trong phần diện tích đất được chia 1.773m^2 được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,a,3) theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số: 3248/2016 ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu để làm lối đi chung và là lối đi vào diện tích đất ông H, bà N được sử dụng.

Về tài sản trên đất là của vợ chồng ông H, bà N nên phía nguyên đơn không tranh chấp. Đối với phần đất mà ông Trần Văn N yêu cầu được chia có 03 cây trụ điện cao khoảng 05m, Φ90, đề nghị ông H, bà N phải di dời các trụ điện trên.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn vì thửa đất số 35, tờ bản đồ số 06, xã Bình Hòa là tài sản chung của ông N, ông H, bà N đã được công nhận tại Bản án phúc thẩm số 153/2016/DS-PT ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 18.224.466 đồng thì đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Giá trị quyền sử dụng đất thửa 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa được Công ty thẩm định giá và đầu tư xây dựng Thế Hệ Mới xác định có giá trị 2.238.900.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 23/CT-THM ngày 16/01/2017.

*** Trình bày của bị đơn ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N:**

Tài sản tranh chấp này là của vợ chồng ông bà bỏ tiền ra mua, từ trước đến nay trên đất chỉ có ông bà sử dụng, ngoài ra không ai cùng đóng góp tiền mua đất, tạo dựng tài sản trên đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 35, tờ bản đồ số 06 xã Bình Hòa từ ngày 08/5/2012 đến ngày 26/6/2012 đứng tên vợ chồng ông bà, không có tên ông Trần Văn N đồng sử dụng, chứng minh đó là đất của vợ chồng ông bà. Việc ông N góp vốn với vợ chồng ông bà theo Hợp đồng góp vốn được Văn phòng công chứng Thạnh Phú chứng nhận số 739, quyển số 01 TP/CC-SCC/HNGD ngày 08/5/2012 là để kinh doanh vật liệu xây dựng chứ không phải để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất 2.634 m^2 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 06 xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai của ông Nguyễn Hoàng H, bà Lưu Thị G. Do khi ký hợp đồng, vợ chồng ông bà đọc không kỹ. Đồng thời, ông N cũng không giao số tiền ghi trong hợp đồng góp vốn cho vợ chồng ông bà nếu có giao tiền thì phải có biên nhận giao tiền giữa hai bên.

Trước đây, khi Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giải quyết vụ án về "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" giữa vợ chồng ông bà và ông Trần Văn N thì ông có yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 593917 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu ngày 12/11/2013 cấp cho ông Trần Văn N đồng sử dụng là ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N, đến khi xét xử phúc thẩm thì ông rút yêu cầu đó vì Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải thích cho ông việc yêu cầu đó là không hợp lý.

Ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đây là đất của vợ chồng ông bà bỏ tiền ra mua không có sự đóng góp của ai khác. Ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố là yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO593917 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu ngày 12/11/2013 cấp cho ông Trần Văn N đồng sử dụng là ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N thửa đất số 35, tờ bản đồ số 06, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đối với tài sản trên đất là 01 căn nhà tạm và hệ thống điện ba pha là tài sản của vợ chồng ông bà nên không có tranh chấp.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 18.224.466 đồng (mười tám triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn bốn trăm sáu mươi sáu đồng) thì đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

*** Trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- Ủy ban nhân dân huyện C:**

Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 06, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu:

Ngày 08/10/2009, ông Nguyễn Hoàng H có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35, diện tích 2.634 m^2, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa. Đơn nêu trên của ông Nguyễn Hoàng H đã được Ủy ban nhân dân xã Bình Hòa thẩm

tra và ký xác nhận ngày 13/11/2009. Ngày 09/12/2009, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN626817 cho ông Nguyễn Hoàng H đối với thửa đất số 35, diện tích 2.634 m^2, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu.

Ngày 08/5/2012, Văn phòng công chứng Thạnh Phú chứng thực hợp đồng góp vốn giữa ông Trần Văn N và ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 35, diện tích 2.634 m^2, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa.

Ngày 08/5/2012, Văn phòng công chứng Thạnh Phú chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Hoàng H và bà Lưu Thị G với ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 35, diện tích 2.634 m^2, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa.

Ngày 27/6/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý trang tư Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN626817 ngày 09/12/2009 từ tên ông Nguyễn Hoàng H thành tên bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn H đối với thửa đất số 35, diện tích 2.634 m^2, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa.

Ngày 12/11/2013, Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO593917 cho ông Trần Văn N (đồng sử dụng với ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N theo hợp đồng góp vốn quyền sử dụng đất số 739, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/5/2012 của Văn phòng công chứng Thạnh Phú) đối với thửa đất số 35, diện tích 2.634 m^2, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa.

Việc Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 593917 cho ông Trần Văn N, đồng sử dụng thửa đất với ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất số 35, diện tích 2.634 m^2, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N về tranh chấp về chia tài sản chung.

- Ông Trần Văn N được quyền sử dụng diện tích đất 1.773 m^2 thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,6,7,a,3) theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3248/2016 ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu. Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm di dời 03 (ba) trụ sắt cao khoảng 05m, Φ 90 trên phần đất mà ông Trần Văn N được giao sử dụng.

- Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 861 m^2 thuộc một phần thửa 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu được giới hạn

bởi các điểm (1,2,3,a,7,1) theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3248/2016 ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu. Trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích 40 m^2.

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Trần Văn N sử dụng diện tích đất 120 m^2 thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,a,3) theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3248/2016 ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu làm lối đi chung vào phần diện tích đất mà mỗi bên được quyền sử dụng sau khi phân chia.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO593917 ngày 12/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa, cấp cho ông Trần Văn N đồng sử dụng là ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2017, ông Trần Văn H kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét. Xét thấy Hợp đồng góp vốn ngày 08/5/2012 giữa ông Trần Văn N và ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N đã được giải quyết trong Bản án phúc thẩm ngày 26/5/2016 và bản án đã có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì không phải chứng minh. Ông H kháng cáo nhưng cũng không giao nộp thêm chứng cứ gì để chứng minh nên việc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông H là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị L, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh P có đơn xin vắng mặt xét xử nên xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự, cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Theo hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Trần Văn N yêu cầu Tòa án huyện Vĩnh Cửu chia tài sản chung của ông và ông bà Trần Văn H, Nguyễn Thị N là diện tích đất 2.634 m^2, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Cách thức chia là chia theo phần tương đương với số tiền góp vốn theo Hợp đồng góp vốn ngày 08/5/2012 giữa ông N và ông H, bà N. Phía bị đơn ông H và bà N không đồng ý yêu cầu của ông N vì cho rằng Hợp đồng góp vốn thực chất không phải là góp vốn mà để kinh doanh vật liệu xây dựng, ông bà còn cho rằng ông bà đọc hợp đồng không kỹ và ông N cũng không giao số tiền như ghi trong hợp đồng góp vốn cho ông bà và ông bà phản tố yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO593917 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu ngày 12/11/2013 cấp cho ông Trần Văn N đồng sử dụng là ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N.

[4] Xét thấy, trước đây trong vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" giữa nguyên đơn là ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N và bị đơn là ông Trần Văn N thì tại bản án phúc thẩm số 153/2016/DS-PT ngày 26/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N về yêu cầu hủy hợp đồng góp vốn số 739, quyển số 01 TP/CC-SCC/HNGD ngày 08/5/2012 giữa ông H, bà N và ông N; đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn H rút yêu cầu khởi kiện bổ sung và bản án phúc thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì không phải chứng minh. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 2.634 m^2, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai là tài sản chung của ông N, ông H, bà N (theo Hợp đồng góp vốn ngày 08/5/2012) và chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của ông Trần Văn N là có căn cứ.

[6] Về cách chia tài sản chung: Do ông Trần Văn H không kháng cáo cũng như không có ý kiến về phần này nên Tòa không xem xét.

[7] Về yêu cầu phản tố của ông Hiệp: Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BO593917 ngày 12/11/2013 đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6 xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cho ông N đồng sở hữu với ông H và bà N dựa trên căn cứ là hợp đồng góp vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên. Việc UBND huyện Vĩnh Cửu cấp giấy chứng nhận BO593917 trên là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng theo quy định của Luật đất đai năm 2003. Do đó việc Tòa án cấp

sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO593917 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu cấp ngày 12/11/2013 cho ông Trần Văn Nam là có căn cứ.

[8] Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H: Ông H kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[10] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2017/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Áp dụng các Điều 26, 34, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 227 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 167, 177, 214, 217, 224, 401, 405, 412, 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 50, 52, 123, 127 của Luật đất đai năm 2003; các Điều 166, 167, 203 của Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Thông tư số 01/2010/TTLT-TANDTC-VKSDNTC-BPT ngày 06/01/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn N về "Tranh chấp về chia tài sản chung".

- Ông Trần Văn N được quyền sử dụng diện tích đất 1.773 m^2 thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu, được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,6,7,a,3) theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3248/2016 ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu. Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm di dời 03 (ba) trụ sắt cao khoảng 05m, Φ90 trên phần đất mà ông Trần Văn N được giao sử dụng.

- Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích đất 861 m^2 thuộc một phần thửa 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu được giới hạn bởi các điểm (1,2,3,a,7,1) theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3248/2016 ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu. Trên đất có 01 căn nhà tạm diện tích 40 m^2.

- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Trần Văn N sử dụng diện tích đất 120 m^2 thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa được giới hạn bởi các điểm (3,4,5,a,3) theo Trích lục và đo hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 3248/2016 ngày 30/12/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Vĩnh Cửu làm lối đi chung vào phần diện tích đất mà mỗi bên được quyền sử dụng sau khi phân chia.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO593917 ngày 12/11/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 6, xã Bình Hòa, cấp cho ông Trần Văn N đồng sử dụng là ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N.

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn N phải chịu số tiền án phí là 57.211.500đ (năm mươi bảy triệu, hai trăm mười một ngàn, năm trăm đồng), trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.720.000 đồng theo biên lai thu số 009610 ngày 03/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông N còn phải nộp số tiền 46.491.500đ (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm chín mươi mốt ngàn, năm trăm đồng).

Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền án phí là 33.274.000đ (ba mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn đồng). Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 00614 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

+ Chi phí tố tụng: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn N số tiền là 5.959.400 đồng (năm triệu, chín trăm năm mươi chín ngàn, bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp huyện;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Đương sự trong vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thanh Phượng